BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4 /TB-KHCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
KẾ HOẠCH TÀI TRỢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2026 (BỔ SUNG) VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về hoạt động đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương;

Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số (cơ quan được Bộ trưởng Bộ Công Thương giao quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - KHCN&ĐMST) trân trọng thông báo Kế hoạch tài trợ nhiệm vụ KHCN&ĐMST

năm 2026 (bổ sung) và giai đoạn 2026 - 2030 phục vụ quản lý nhà nước và phát triển ngành Công Thương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi và đối tượng nhận tài trợ

a) Phạm vi tài trợ

Bộ Công Thương xem xét tài trợ nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ KHCN&ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, có mục tiêu, nội dung, sản phẩm và khả năng ứng dụng phù hợp với một trong các định hướng sau:

a1) Nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương: (i) triển khai nhiệm vụ được giao của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; (ii) xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của ngành; (iii) xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ; (iv) nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Bộ giao cần triển khai bằng nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

a2) Nhiệm vụ thuộc các Chương trình, Đề án KHCN&ĐMST của Bộ Công Thương đã được phê duyệt:

- Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1110/QĐ-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2021);

- Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp ưu tiên: công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, điện tử, dệt may, da - giầy giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1852/QĐ-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2022);

- Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định số 1992/QĐ-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2021);

- Chương trình hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại giai đoạn đến năm 2035 (Quyết định số 2708/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2025);

- Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương (Quyết định số 1355/QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2026);

- Đề án "Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030" (Quyết định số 1600/QĐ-BCT ngày 22 tháng 9 năm 2021).

Ưu tiên nhiệm vụ có địa chỉ tiếp nhận, ứng dụng kết quả cụ thể; có liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; có cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ bảo đảm liên kết từ nghiên cứu, phát triển công nghệ đến ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả. Nhiệm vụ đề xuất không trùng lặp với nhiệm vụ đã và đang thực hiện bằng ngân sách nhà nước.

b) Loại hình tài trợ

- Nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội;

- Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng;

- Nhiệm vụ phát triển công nghệ;

- Nhiệm vụ phát triển công nghệ định hướng công nghệ chiến lược;

- Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.

Bộ Công Thương xem xét tài trợ cả cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu tại Thông báo này.

c) Đối tượng nhận tài trợ

Tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ, gồm: các đơn vị thuộc Bộ Công Thương; các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp ngành Công Thương; các tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, cao đẳng, hiệp hội, hội ngành Công Thương và các tổ chức, doanh nghiệp khác đáp ứng điều kiện tại Mục 4 Thông báo này.

2. Kinh phí tài trợ

a) Mức bảo đảm của ngân sách nhà nước

Mức bảo đảm của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN) đối với từng loại nhiệm vụ như sau:

TT	Loại nhiệm vụ	Mức trần kinh phí hỗ trợ từ NSNN
1	Nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội	Tối đa 03 (ba) tỷ đồng/nhiệm vụ và NSNN hỗ trợ tối đa 80% tổng dự toán kinh phí.
2	Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng	Tối đa 05 (năm) tỷ đồng/nhiệm vụ và NSNN hỗ trợ tối đa 80% tổng dự toán kinh phí.
3	Nhiệm vụ phát triển công nghệ	Tối đa 07 (bảy) tỷ đồng/nhiệm vụ và NSNN hỗ trợ tối đa 50% tổng dự toán kinh phí.
4	Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng NSNN	Tối đa 05 (năm) tỷ đồng/nhiệm vụ và: - NSNN hỗ trợ tối đa 30% tổng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ tạo sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh cải tiến đáng kể so với hiện có; - NSNN hỗ trợ tối đa 50% tổng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh hoàn toàn mới
5	Cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ	Không vượt tổng mức trần của các nhiệm vụ thành phần theo từng loại nhiệm vụ nêu trên.

Lưu ý:

- Mức trần nêu trên không bao gồm kinh phí ngoài ngân sách nhà nước;

- Mức trần chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp đăng ký xét tài trợ, không áp dụng đối với nhiệm vụ do Bộ Công Thương đặt hàng, giao trực tiếp;

- Nhiệm vụ KHCN&ĐMST đặc biệt, nhiệm vụ thuộc chương trình KHCN&ĐMST quốc gia thực hiện theo quy định riêng, không thuộc phạm vi Thông báo này.

b) Nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước

Tổ chức chủ trì phải có phương án và minh chứng huy động nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để bảo đảm phần kinh phí còn lại theo tỷ lệ tại điểm a. Hồ sơ có tỷ lệ huy động nguồn lực ngoài ngân sách cao hơn mức tối thiểu, nguồn lực được cam kết rõ ràng, khả thi được ưu tiên xem xét.

c) Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

Thực hiện theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

3. Tiêu chí và yêu cầu đối với nhiệm vụ đăng ký tài trợ

a) Tiêu chí chung (Điều 6 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP): có mục tiêu; có tính khả thi về nội dung, phương pháp thực hiện, kế hoạch triển khai, kết quả dự kiến, kinh phí và thời gian thực hiện; phù hợp với nội dung Thông báo này.

b) Tiêu chí đối với từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 7 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP):

- Nghiên cứu ứng dụng: có tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học; có khả năng ứng dụng kết quả tạo ra giải pháp phục vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng chính sách; có ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển công nghệ: góp phần tạo ra công nghệ có tính mới, tính sáng tạo, phù hợp xu thế công nghệ trong nước và quốc tế; có khả năng ứng dụng sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế; có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện; có khả năng huy động kinh phí ngoài ngân sách.

- Phát triển giải pháp xã hội: xuất phát từ nhu cầu giải quyết vấn đề thực tiễn của ngành, lĩnh vực; có đóng góp về lý luận, học thuật; đề xuất giải pháp, chính sách, mô hình, quy trình, phương thức tổ chức, quản lý có tính đổi mới và khả năng ứng dụng cao; có tổ chức tiếp nhận, ứng dụng.

c) Tiêu chí đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước: có tính khả thi về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch tổ chức thực hiện, thời gian và tổng mức kinh phí; có kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng, nếu có); có khả năng ứng dụng trực tiếp, tạo hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết vấn đề xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, môi trường; tổ chức đề xuất có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, tài chính.

d) Thời gian thực hiện: tối đa 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ tối đa 36 tháng.

4. Điều kiện đối với tổ chức chủ trì và nhân lực thực hiện

a) Tổ chức chủ trì (Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP): có tư cách pháp nhân; có năng lực, kinh nghiệm; có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; có nguồn nhân lực, cơ sở

vật chất, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức không được xem xét tài trợ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tại thời điểm nộp hồ sơ, chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức đó chủ trì theo quy định;

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, chưa hoàn trả đủ kinh phí phải thu hồi theo quyết định hoặc văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

- Trong thời hạn 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do có hành vi vi phạm pháp luật đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

- Đang bị đình chỉ hoạt động; bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KHCN&ĐMST mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; đang bị kỷ luật, bị khởi tố.

c) Nhiệm vụ đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng: tổ chức đề xuất phải chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình KHCN&ĐMST quốc gia hoặc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt kết quả, mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên.

d) Nhân lực thực hiện: chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung nhiệm vụ; thông tin năng lực của tổ chức và lý lịch của chủ nhiệm, thành viên được cập nhật trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST quốc gia; chức danh, cơ cấu nhân lực thực hiện theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

5. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP) gồm:

(1) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ, có cam kết về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin cung cấp (Biểu mẫu BM-09);

(2) Thuyết minh nhiệm vụ (Biểu mẫu BM-10), trình bày tối đa 20 trang; đối với chuỗi nhiệm vụ, kèm Thuyết minh tổng quát (Biểu mẫu BM-11) không quá 10 trang;

(3) Văn bản cam kết phối hợp, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ (Biểu mẫu BM-12) (nếu có);

(4) Thông tin năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học, gồm: Tóm tắt hoạt động KHCN&ĐMST của tổ chức đăng ký chủ trì (Mẫu III.02-LLTC); Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm, thành viên chính, thư ký khoa học (Mẫu III.03-LLCN); Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, nước ngoài (Mẫu III.04-LLCG) (nếu có). Tổ chức, cá nhân đã cập nhật đầy đủ trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST quốc gia không phải nộp lại;

(5) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (Biểu mẫu BM-15);

(6) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì (không phải nộp

nếu đã cập nhật trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST quốc gia);

(7) Tài liệu chứng minh phương án huy động vốn đối ứng, nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước (nếu có);

(8) Tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, khai thác hợp pháp đối với công nghệ, dữ liệu, đối tượng sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo kiểm, chứng nhận; khả năng sử dụng phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật phục vụ thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

Hồ sơ trình bày trên khổ giấy A4, phông chữ Times New Roman. Biểu mẫu thực hiện theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN, được đăng tải kèm theo Thông báo này trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương và tải về qua mã QR tại cuối Thông báo.

Lưu ý: *Hồ sơ không đúng biểu mẫu, thiếu thành phần hoặc nộp quá thời hạn được xác định là không hợp lệ và không được đưa vào xét tài trợ. Hồ sơ không hoàn trả.*

6. Phương thức nộp hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp lựa chọn một trong hai hình thức sau:

a) Hình thức 1 - Nộp trực tuyến (khuyến khích): gửi hồ sơ đã ký số (tệp PDF kèm tệp Microsoft Word của Thuyết minh) về địa chỉ thư điện tử dstd@moit.gov.vn. Các đơn vị thuộc Bộ gửi hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iMOIT). Thông tin năng lực tổ chức, lý lịch khoa học của cá nhân được cập nhật trên Nền tảng số quản lý KHCN&ĐMST quốc gia (https://stm.mst.gov.vn).

b) Hình thức 2 - Nộp bản giấy: 01 bộ hồ sơ, kèm công văn của tổ chức, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính về Bộ Công Thương (qua Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số), số 54 phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội; đồng thời gửi 01 bản điện tử (định dạng Microsoft Word) có nội dung giống bản giấy về địa chỉ thư điện tử nêu tại điểm a.

- Ngoài bì hồ sơ ghi rõ: "Hồ sơ đề nghị xét tài trợ nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo Thông báo số …/TB-KHCN ngày … tháng 11 năm 2026"; tên nhiệm vụ; tên, địa chỉ tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Trường hợp gửi qua bưu chính, thời điểm nộp tính theo dấu bưu điện nơi gửi; tổ chức chủ động gửi sớm để hồ sơ đến Cục kịp thời phục vụ rà soát tính hợp lệ.

7. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết ngày **30 tháng 11 năm 2026**. Thời điểm nộp hồ sơ được xác định theo dấu đến của Văn thư Cục (nộp trực tiếp), dấu bưu điện nơi gửi (gửi bưu chính) hoặc thời điểm hệ thống ghi nhận (nộp trực tuyến).

8. Xét tài trợ và thông báo kết quả

- Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ;

- Hội đồng xét tài trợ đánh giá hồ sơ hợp lệ theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thông tư số

36/2025/TT-BKHCN và Thông báo này;

- Tổ chức có hồ sơ được Hội đồng đề xuất tài trợ hoàn thiện thuyết minh, dự toán theo ý kiến Hội đồng; Tổ thẩm định kinh phí thẩm định dự toán;

- Cục tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt danh mục nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và kinh phí; thông báo kết quả bằng văn bản đến tổ chức, doanh nghiệp đăng ký và công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương.

9. Thông tin liên hệ

Phòng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, Bộ Công Thương; địa chỉ: số 54 phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Đầu mối: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, Chuyên viên chính; điện thoại: 0912121401; thư điện tử: hangntd@moit.gov.vn.

Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số trân trọng thông báo để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được biết, tham gia và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp ngành Công Thương;
- Các tổ chức KH&CN, Viện, Trường, Hiệp hội ngành Công Thương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Việt Sơn (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ Công Thương (để đăng tải);
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng thuộc Cục;
- Lưu: VT, KCĐ, hangntd

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
BỘ CÔNG THƯƠNG

Nguyễn Thị Lâm Giang

Danh mục tài liệu kèm theo